



Phụ lục I
TÍNH THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Dự toán năm 2026	Dự toán thu được hưởng năm 2026	Thực hiện đến ngày 31/5/2026				So sánh TH/DT	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2026	So sánh U' TH 6T/ DT (%)
				Số tiền	Điều tiết Trung ương	Tỉnh hưởng	Xã hưởng			
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3=4+5+6</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7=3/1</i>	<i>8</i>	<i>9=8/1</i>
	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (I+II)	11.405.000	10.631.170	6.315.519	651.685	5.633.668	30.166	55,38	6.956.000	60,99
I	Thu nội địa	11.132.000	10.631.170	5.887.114	223.280	5.633.668	30.166	52,88	6.500.000	58,39
1	Thu từ doanh nghiệp nhà nước trung ương	765.000	765.000	509.744	0	509.744	0	66,63	533.744	69,77
2	Thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương	265.000	265.000	129.026	0	129.017	9	48,69	141.039	53,22
3	Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	53.000	53.000	61.280	0	61.280	0	115,62	63.280	119,40
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	2.262.000	2.262.000	986.787	38	986.749	0	43,62	1.092.786	48,31
5	Thuế thu nhập cá nhân	1.030.000	1.030.000	562.249	0	562.249	0	54,59	642.348	62,36
6	Lệ phí trước bạ	310.000	310.000	148.267	0	132.557	15.710	47,83	172.258	55,57
7	Phí, lệ phí	120.000	61.000	55.283	30.251	20.878	4.153	46,07	61.283	51,07
8	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	20	20	0	0	0	0	0,00	0	0
9	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	14.000	14.000	5.680	0	0	5.680	40,57	6.676	47,68
10	Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	78.000	66.300	35.719	0	35.719	0	45,79	37.719	48,36
11	Thu tiền sử dụng đất	550.000	467.500	285.461	0	285.461	0	51,90	335.493	61,00
12	Thu tiền thuê, bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	900	900	0	0	0	0	0,00	0	0,00
13	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước	4.000	3.370	3.580	499	3.081	0	89,50	3.580	89,50
14	Thu tiền sử dụng khu vực biển	19.000	10.000	7.878	4.271	3.608	0	41,46	7.878	41,46
15	Thu khác ngân sách	320.000	190.000	170.922	96.255	70.055	4.613	53,41	192.680	60,21

STT	Nội dung	Dự toán năm 2026	Dự toán thu được hưởng năm 2026	Thực hiện đến ngày 31/5/2026				So sánh TH/DT	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2026	So sánh U' TH 6T/ DT (%)
				Số tiền	Điều tiết Trung ương	Tỉnh hưởng	Xã hưởng			
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3=4+5+6</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7=3/I</i>	<i>8</i>	<i>9=8/I</i>
16	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi, công sản	80	80	0	0	0	0	0,00	0	0
17	Thuế bảo vệ môi trường	520.000	312.000	231.016	91.966	139.051	0	44,43	235.016	45,20
18	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	4.800.000	4.800.000	2.681.520	0	2.681.520	0	55,87	2.961.520	61,70
19	Thu cổ tức, lợi nhuận còn lại	21.000	21.000	12.699	0	12.699	0	60,47	12.699	60,47
II	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	273.000	0	428.405	428.405	0	0	156,92	456.000	167,03

Phụ lục II
TÌNH HÌNH CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Dự toán năm 2026					Thực hiện đến ngày 31/05/2026				Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2026	
		Tổng số	Ngân sách địa phương	Trong đó:		Trung ương hỗ trợ mục tiêu	Tổng số	Trong đó:		So sánh TH/DT(%)	Số tiền	Tỷ lệ so với DT 2026 (%)
				Cấp tỉnh	Cấp xã			Cấp tỉnh	Cấp xã			
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1=2+5</i>	<i>2=3+4</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6=7+8</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9=6/1</i>	<i>10</i>	<i>11=10/1</i>
	Tổng chi ngân sách địa phương	26.308.107	23.035.254	13.805.658	9.229.596	3.272.853	8.708.555	3.908.443	4.800.112	33,10	12.654.904	48,10
A	Chi cân đối ngân sách địa phương	25.530.953	22.258.100	13.028.504	9.229.596	3.272.853	8.490.346	3.690.233	4.800.112	33,26	12.249.648	47,98
I	Chi đầu tư phát triển	6.538.100	6.538.100	5.607.652	930.448	0	1.399.431	1.146.427	253.004	21,40	2.857.840	43,71
1	Chi đầu tư cho các dự án	6.212.695	6.212.695	5.282.247	930.448		1.399.431	1.146.427	253.004	22,53	2.857.840	46,00
-	Chi đầu tư từ nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung	1.178.570	1.178.570	248.122	930.448		347.780	94.776	253.004	29,51	542.142	46,00
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	444.125	444.125	444.125			176.500	176.500		39,74	204.298	46,00
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	4.560.000	4.560.000	4.560.000			869.235	869.235		19,06	2.097.600	46,00
-	Chi đầu tư từ nguồn vay của ngân sách địa phương (bổ sung dự toán theo Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 14/5/2026 của HĐND tỉnh Cà Mau)	30.000	30.000	30.000			5.916	5.916		19,72	13.800	46,00
2	Tiết kiệm 5% theo Quyết định số 2638/QĐ-TTg ngày 03/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ	325.405	325.405	325.405								
II	Chi thường xuyên	18.527.861	15.255.008	7.122.420	8.132.588	3.272.853	7.083.349	2.536.240	4.547.108	38,23	9.382.242	50,64
1	Quốc phòng	416.530	416.530	240.677	175.853		390.622	304.398	86.224	93,78	420.622	100,98
2	An ninh, trật tự và an toàn xã hội	209.596	209.596	72.965	136.631		77.720	28.470	49.250	37,08	104.798	50,00
3	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	7.070.701	6.450.531	1.553.383	4.897.148	620.170	2.581.233	496.853	2.084.380	36,51	3.381.233	47,82
4	Sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	433.000	433.000	413.413	19.587		44.736	42.182	2.554	10,33	108.250	25,00

STT	Nội dung	Dự toán năm 2026					Thực hiện đến ngày 31/05/2026				Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2026	
		Tổng số	Ngân sách địa phương	Trong đó:		Trung ương hỗ trợ mục tiêu	Tổng số	Trong đó:		So sánh TH/DT(%)	Số tiền	Tỷ lệ so với DT 2026 (%)
				Cấp tỉnh	Cấp xã			Cấp tỉnh	Cấp xã			
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1=2+5</i>	<i>2=3+4</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6=7+8</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9=6/1</i>	<i>10</i>	<i>11=10/1</i>
5	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	2.036.338	1.365.499	1.224.744	140.755	670.839	1.148.202	988.151	160.051	56,39	1.248.202	61,30
6	Sự nghiệp văn hoá thông tin	160.990	160.990	91.916	69.074		61.100	29.209	31.890	37,95	80.656	50,10
7	Sự nghiệp phát thanh, truyền hình	99.152	99.152	92.752	6.400		28.348	26.752	1.596	28,59	44.123	44,50
8	Sự nghiệp thể dục, thể thao	64.710	64.710	58.310	6.400		19.754	16.807	2.947	30,53	29.780	46,02
9	Sự nghiệp bảo vệ môi trường	136.273	136.273	126.673	9.600		43.315	8.375	34.940	31,79	61.459	45,10
10	Các hoạt động kinh tế	2.129.831	1.894.031	1.363.770	530.261	235.800	420.644	135.408	285.236	19,75	1.026.579	48,20
11	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, MTTQ Việt Nam,...	2.538.826	2.513.210	1.034.790	1.478.420	25.616	1.224.797	370.222	854.575	48,24	1.383.660	54,50
12	Chi đảm bảo xã hội	2.524.066	803.638	252.134	551.504	1.720.428	1.006.447	73.540	932.907	39,87	1.406.450	55,72
13	Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật	707.848	707.848	596.893	110.955		36.431	15.874	20.558	5,15	86.431	12,21
III	Chi trả lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	18.100	18.100	18.100			5.566	5.566		30,75	5.566	30,75
IV	Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính	2.000	2.000	2.000			2.000	2.000		100,00	4.000	200,0
V	Dự phòng ngân sách	444.892	444.892	278.332	166.560							
B	Chi thực hiện các chương trình, mục tiêu, nhiệm vụ	777.154	777.154	777.154	0	0	210.509	210.509	0	27,09	397.556	51,16
I	Chi đầu tư dự án từ nguồn vốn nước ngoài	85.000	85.000	85.000			79.165	79.165		93,14	79.165	93,14
II	Chi đầu tư các dự án từ nguồn vốn trong nước	692.154	692.154	692.154			131.344	131.344		18,98	318.391	46,00
C	Chi trả nợ gốc	52.500	52.500	52.500			7.700	7.700		14,67	7.700	14,67

Phụ lục III
TÌNH HÌNH SỬ DỤNG DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH CẤP TỈNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

Đơn vị: triệu đồng.

STT	NỘI DUNG	CHỦ TRƯỞNG	SỐ TIỀN	ĐƠN VỊ
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
TỔNG CỘNG			219.161	
1	Kinh phí tổ chức các hoạt động “Mừng đảng, mừng Xuân Bính Ngọ” trên địa bàn tỉnh Cà Mau năm 2026	Quyết định số 408/QĐ-UBND ngày 05/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	24.305	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
2	Kinh phí xây dựng, cải tạo, nâng cấp, mở rộng các bãi rác hiện hữu trên địa bàn tỉnh Cà Mau	Công văn số 2091/UBND-NNXD ngày 10/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	24.211	UBND các xã, phường
3	Kinh phí thực hiện hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP của chính phủ cho các xã, phường năm 2026	Quyết định số 465/QĐ-UBND ngày 11/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	25.800	UBND các xã, phường
4	Hỗ trợ tiền Tết Bính Ngọ năm 2026 cho áp, khóm và người hoạt động không chuyên trách	Quyết định số 424/QĐ-UBND ngày 06/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	9.359	UBND các xã, phường
5	Kinh phí trùng tu lò hỏa táng chùa Di Quán, xã Ninh Quới	Quyết định số 643/QĐ-UBND ngày 09/3/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	400	UBND xã Ninh Quới
6	Bổ sung kinh phí cho Bảo hiểm xã hội tỉnh Cà Mau thực hiện chi quà Tết Bính Ngọ năm 2026	Quyết định số 593/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	67	Bảo hiểm xã hội tỉnh
7	Phân bổ kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 (phần kinh phí còn lại)	Quyết định số 581/QĐ-UBND ngày 03/3/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	70.295	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
8	Bổ sung kinh phí để thực hiện công trình về xử lý điểm mất an toàn giao thông năm 2026	Quyết định số 845/QĐ-UBND ngày 29/3/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	20.678	UBND các xã, phường
9	Bổ sung kinh phí tổ chức hoạt động Mừng đảng, Mừng Xuân Bính Ngọ trên địa bàn tỉnh Cà Mau năm 2026	Quyết định số 1018/QĐ-UBND ngày 31/3/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	1.332	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
10	Kinh phí sửa chữa làm mới trang thiết bị chuyên ngành ban chỉ huy Quân sự xã phường năm 2026	Công văn số 5663/UBND-KTTH ngày 20/4/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	1.293	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

STT	NỘI DUNG	CHỦ TRƯỞNG	SỐ TIỀN	ĐƠN VỊ
1	2	3	4	5
11	Hỗ trợ kinh phí xây dựng giảng đường cho chùa Ghositaram (Chùa Cù Lao)	Công văn số 241/UBND-KGVX ngày 31/3/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (Mật)	500	Chùa Cù Lao
12	Phòng cháy chữa cháy rừng	Quyết định số 1461/QĐ-UBND ngày 23/4/2026 Ủy ban nhân dân tỉnh	2.234	UBND các xã: Đá Bạc; Khánh An; Khánh Lâm; Nguyễn Phích; U Minh
13	Hỗ trợ kinh phí khôi phục sản xuất muối và thủy sản do mưa trái mùa từ ngày 26-28/02/2026 trên địa bàn tỉnh Cà Mau	Quyết định số 1356/QĐ-UBND ngày 15/4/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	6.970	UBND các xã: Long Điền, Đông Hải, Vĩnh Hậu, Định Thành, Gành Hào, Tân Thuận
14	Kinh phí thực hiện tổ chức làm sạch và hoàn thiện các thửa đất đã có trong CSDL nhưng chưa đảm bảo “đúng - đủ - sạch - sống”	Công văn số 6211/UBND-NNXD ngày 28/4/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh	5.799	Sở Nông nghiệp và Môi trường và UBND các xã, phường
15	Kinh phí mua sắm trang thiết bị phục vụ cho công tác quản lý bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy	Công văn số 6133/UBND-NNXD ngày 26/4/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	805	Sở Nông nghiệp và Môi trường
16	Bổ sung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm năm 2026 của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Cà Mau	Quyết định số 1620/QĐ-UBND ngày 08/5/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	533	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh
17	Hỗ trợ kinh phí tham gia Đoàn công tác đi khảo sát, nắm tình hình các vùng ven biển, đảo ven bờ năm 2026 cho Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 15/5/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	820	Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh
18	Hỗ trợ kinh phí tổ chức tổ chức Đại hội Thể dục thể thao cấp xã năm 2026	Công văn số 7170/UBND-KGVX ngày 15/5/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	1.920	UBND các xã (Cụm trưởng)
19	Phân bổ kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 (bổ sung kinh phí sau bầu cử)	Quyết định số 1639/QĐ-UBND ngày 09/5/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	8.346	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
20	Bổ sung kinh phí thăm, chúc Tết và các chi phí phục vụ hoạt động trong dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ năm 2026	Quyết định số 1690/QĐ-UBND ngày 13/5/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	792	Văn phòng Tỉnh ủy; Văn phòng UBND tỉnh; Sở Nội vụ; Sở Văn Hóa TT DL

STT	NỘI DUNG	CHỦ TRƯỞNG	SỐ TIỀN	ĐƠN VỊ
1	2	3	4	5
21	Bổ sung kinh phí lập Quy hoạch phân khu xây dựng Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí Vườn Quốc gia U Minh Hạ	Công văn số 7092/UBND-NNXD ngày 14/5/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	495	Vườn Quốc gia U Minh Hạ
22	Kinh phí cải tạo, nâng cấp bãi rác tập trung xã Gành Hào	Công văn số 7293/UBND-NNXD ngày 18/5/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	859	UBND Xã Gành Hào
23	Hỗ trợ kinh phí khôi phục sản xuất muối và thủy sản do mưa trái mùa từ ngày 26-28/02/2026 trên địa bàn tỉnh Cà Mau (đợt 2)	Quyết định số 1946/QĐ-UBND ngày 28/5/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	450	UBND xã Long Điền
24	Hỗ trợ kinh phí khôi phục sản xuất muối và thủy sản do mưa trái mùa từ ngày 26-28/02/2026 trên địa bàn tỉnh Cà Mau (đợt 2)	Quyết định số 1946/QĐ-UBND ngày 28/5/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	259	UBND phường Hiệp Thành
25	Kinh phí nâng cấp, sửa chữa trụ sở làm việc Ban Chỉ huy quân sự xã Ninh Quới	Công văn số 8476/UBND-KTTH ngày 03/6/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	1.370	UBND xã Ninh Quới
26	Hỗ trợ kinh phí cho Ủy ban nhân dân xã Cái Nước thực hiện hoàn thành công trình Bia tưởng niệm các Anh hùng Liệt sỹ Đ10 tại Nghĩa trang liệt sỹ xã Cái Nước	Quyết định số 2038/QĐ-UBND ngày 02/6/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	3.500	UBND xã Cái Nước
27	Kinh phí thực hiện chỉnh lý tài liệu lưu trữ của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	Quyết định số 1964/QĐ-UBND ngày 29/5/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	4.227	Văn phòng UBND tỉnh
28	Bổ sung kinh phí đón tiếp đại biểu tham dự Sự kiện Hương rừng U Minh	Quyết định số 2048/QĐ-UBND ngày 02/6/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	108	Vườn Quốc gia U Minh Hạ
29	Bổ sung kinh phí thực hiện Sự kiện Hương rừng U Minh	Quyết định số 2014/QĐ-UBND ngày 02/6/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	134	Vườn Quốc gia U Minh Hạ
30	Kinh phí thực hiện chỉnh lý hồ sơ, tài liệu tồn đọng, tích đọng của Sở Tư pháp năm 2026	Quyết định số 1710/QĐ-UBND ngày 14/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh	959	Sở Tư pháp
31	Hỗ trợ kinh phí cho Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình sửa chữa, nâng cấp lò hỏa táng tại Chùa Chumprasth Rạch Cui	Quyết định số 2090/QĐ-UBND ngày 08/6/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	339	UBND xã Khánh Bình